

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST

Ngày 05-02- 2021

V/v Ly hôn giữa anh T và chị H

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Chính;

Bà Đỗ Thị Hồng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 149/2020/TLST-HNGĐ ngày 02/11/2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 06/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST- HNGĐ ngày 20/01/2021, giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Anh Lê Khánh T, sinh năm 1988; địa chỉ: Xóm 17, thôn Đ, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình; “có mặt”.

-*Bị đơn:* Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1988; địa chỉ: Xóm 17, xã X; huyện X, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

-*Người làm chứng:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1960; địa chỉ: xóm 17, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/10/2020 và lời khai tại Tòa án, tại phiên tòa nguyên đơn anh Lê Khánh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hoàng Thị H tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/01/2017. Trong cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình, lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Từ đầu năm 2018 đến nay vợ chồng đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai, anh xác định vợ chồng không còn tình cảm, hạnh phúc đã tan vỡ nên nguyện vọng của anh là được xin ly hôn chị Hoàng Thị H.

Về con chung: Anh và chị Hoàng Thị H chưa có con chung.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng cho chị H cũng như các Giấy báo và gọi điện thoại trực tiếp cho chị Hoàng Thị H nhiều lần yêu cầu chị H trình bày quan điểm về yêu cầu ly hôn của anh T. Chị H không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản thể hiện quan điểm của mình.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/12/2020, bà Trần Thị H là mẹ đẻ của chị Hoàng Thị H trình bày:

Gia đình bà đã nhận được đơn khởi kiện của anh Lê Khánh T, thông báo thụ lý vụ án, các Giấy báo của Tòa án về việc ly hôn giữa anh T và chị H; gia đình đã Thông báo cho chị H biết, chị H thông tin lại biết anh T xin ly hôn nhưng hiện đang làm ăn ở xa không thể về Tòa án làm việc theo giấy báo gọi của Tòa án được và xin được vắng mặt.

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Lê Khánh T kết hôn tự nguyện, đã được Ủy ban nhân dân xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2017. Trong cuộc sống giữa chị H và anh T xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau, nguyên nhân do tính tình, lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung. Từ đầu năm 2018 chị H đã về nhà bà ở xóm 17, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định để ở. Thời gian gần đây chị H đã đi vào Thành phố Hồ Chí Minh để làm ăn, thỉnh thoảng có về nhà bà. Chị H thông tin cho gia đình bà là chị H và anh T sống không hạnh phúc, không thể hàn gắn được tình cảm, anh T xin ly hôn chị H hoàn toàn nhất trí.

Chị H và anh T không có con chung, không có tài sản chung, không nợ nần liên quan kinh tế với ai, chị H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, các đương sự tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành theo đúng quy định

của pháp luật; bị đơn tiếp tục vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

Nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho ly hôn giữa anh Lê Khánh T và chị Hoàng Thị H. Về con chung, tài sản: Anh T và chị H không có không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết là phù hợp.

Về án phí: Anh T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật; bị đơn tiếp tục vắng mặt; căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Khánh T và chị Hoàng Thị H kết hôn hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình, lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm. Nay anh T xin ly hôn, chị H mặc dù đã biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án nhưng không đến Tòa án làm việc cũng như không có ý kiến gửi đến Tòa án. Điều này chứng tỏ chị H không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng và không còn thiết tha cuộc sống vợ chồng với anh T. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2018, không quan tâm đến nhau, như vậy anh chị đã không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình là vợ chồng phải chung sống cùng nhau, yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh T và chị H là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nay anh T xin ly hôn chị H hoàn toàn nhất trí. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T đối với chị H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, tài sản chung: Anh T và chị H không có con chung, không có tài sản, anh T và chị H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết là phù hợp.

[4] Về án phí: Anh Lê Khánh T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Lê Khánh T và chị Hoàng Thị H.

2. Về án phí: Anh Lê Khánh T phải nộp án phí ly hôn là 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0001920 ngày 02/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện x, tỉnh Nam Định; anh Lê Khánh T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Lê Khánh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Hoàng Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND tỉnh + huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS huyện: 01 bản;
- UBND xã X: 01 bản;
- UBND xã B : 01 bản ;
- Các đương sự 02 bản;
- Lưu hồ sơ: 02 bản;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phạm Ngọc Long

